TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

# DANH SÁCH CẤM THI MÔN TRIẾT HỌC

| STT | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Công | Định | 26/10/1980 | Bình Dương | BVTV | |
| 2 | Dư Thị Minh | Hiếu | 19/10/1988 | Gia Lai | BVTV | |
| 3 | Phan Quang | Hương | 4/6/1982 | Hà Nội | BVTV | |
| 4 | Đặng Thị Lệ | Nga | 5/8/1985 | Long An | BVTV | 01 buổi |
| 5 | Nguyễn Thị Nguyệt | Tú | 13/10/1985 | Nghệ An | BVTV | |
| 6 | Trần Võ Thùy | Diễm | 13/2/1992 | Long An | BVTV-DT | |
| 7 | Đặng Thị | Thưởng | 17/7/1991 | Bình Định | CN CBLS | |
| 8 | Trương Kim Hoài | Hận | 25/6/1988 | An Giang | CNSH | |
| 9 | Cao Như | Hiền | 5/2/1988 | Phú Yên | CNSH | |
| 10 | Nguyễn Thị | Liễu | 12/8/1991 | Bình Thuận | CNSH | |
| 11 | Nguyễn Thị Kiều | Linh | 6/9/1991 | Đồng Nai | CNSH | 01 buổi |
| 12 | Lê Văn | Phú | 12/12/1990 | Tây Ninh | CNSH | |
| 13 | Nguyễn Lâm Thiên | Thanh | 2/9/1991 | Lâm Đồng | CNSH | |
| 14 | Đinh Trung | Châu | 7/7/1990 | TP. Hồ Chí Minh | CNTP | |
| 15 | Nguyễn Thành | Đạt | 1/2/1986 | TP. Hồ Chí Minh | CNTP | |
| 16 | Hoàng Thị | Giang | 10/11/1992 | Thanh Hoá | CNTP | |
| 17 | Nguyễn Thị Thùy | Nhung | 6/3/1986 | Tây Ninh | CNTP | |
| 18 | Hà Thị Mai | Trang | 27/7/1985 | Đồng Nai | CNTP | |
| 19 | Lê Bạch Ngọc | Trân | 12/6/1991 | Tiền Giang | CNTP | |
| 20 | Nguyễn Thanh | Hoài | 20/1/1984 | An Giang | KTMT | |
| 21 | Trương Thị Hiền | Lương | 3/10/1989 | Nghệ An | KTNN | |
| 22 | Bùi Thuận | Thái | 24/4/1982 | Ninh Thuận | KTNN | |
| 23 | Dương Minh | Chung | 24/12/1976 | Long An | Kỹ thuật Cơ khí | |
| 24 | Nguyễn Quốc | Dũng | 19/9/1990 | Phú Yên | Kỹ thuật Cơ khí | |
| 25 | Nguyễn Nam | Quyền | 14/2/1991 | Tiền Giang | Kỹ thuật Cơ khí | |
| 26 | Ninh Văn | Sinh | 22/9/1979 | Nam Định | Kỹ thuật Cơ khí | |
| 27 | Tôn Thất | Tín | 4/10/1961 | Quảng Nam | Kỹ thuật Cơ khí | |
| 28 | Võ Hoàng | Anh | 12/9/1992 | Bình Phước | KHCT | |
| 29 | Nguyễn Thị | Ảnh | 12/5/1992 | Bắc Ninh | KHCT | |
| 30 | Trần Văn | Bình | 10/6/1992 | Long An | KHCT | |
| 31 | Đào Duy | Hiệp | 7/9/1989 | Gia Lai | KHCT | |
| 32 | Nguyễn Văn | Hoàng | 8/3/1979 | Tiền Giang | KHCT | |
| 33 | Lê Thiên Việt | Hùng | 18/7/1983 | Ninh Thuận | KHCT | |
| 34 | Phan Thị | La | 10/9/1993 | Quảng Ngãi | KHCT | |
| 35 | Thái Thị | Lê | 26/7/1992 | Bình Định | KHCT | |
| 36 | Phạm Hoàng | Phương | 10/2/1989 | Quảng Ngãi | KHCT | |
| 37 | Kim Thị | Thúy | 27/7/1973 | Trà Vinh | KHCT | |
| 38 | Lê Thị Thúy | Hằng | 27/7/1987 | Bình Định | KHCT2014 | 02 buổi |
| 39 | Huỳnh Thới | Bình | 10/10/1985 | Quảng Ngãi | Lâm học | |
| 40 | Trần Mạnh | Hà | 4/11/1978 | Phú Thọ | Lâm học | |
| 41 | Nguyễn Minh | Hoàng | 3/10/1980 | Hậu Giang | Lâm học | |

| STT | Họ và tên | | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 42 | Nguyễn Thị Mỹ | Khuê | 28/8/1969 | Đồng Tháp | Lâm học | |
| 43 | Nguyễn Đại | Thạch | 8/10/1990 | Long An | Lâm học | |
| 44 | Văn Hiếu | Thanh | 25/7/1991 | Kiên Giang | Lâm học | |
| 45 | Dương Văn | Thành | 12/12/1991 | Lâm Đồng | Lâm học | |
| 46 | Phan Thanh | Xuân | 30/4/1969 | An Giang | Lâm học | |
| 47 | Trần Quốc | Huy | 20/8/1985 | TP. Hồ Chí Minh | NTTS | |
| 48 | Trần Đăng | Khoa | 7/8/1993 | Bến Tre | NTTS | |
| 49 | Võ Thị Ngọc | Quyến | 30/04/1989 | Tiền Giang | NTTSTG | 04 buổi |
| 50 | Tạ Đăng | Chung | 16/9/1978 | Hà Nội | QLDD | |
| 51 | Nguyễn Thị | Hải | 25/2/1991 | Nghệ An | QLDD | |
| 52 | Lâm Phi | Oanh | 20/11/1976 | TP. Hồ Chí Minh | QLDD | |
| 53 | Nguyễn Võ Nhật Duy | Phương | 28/9/1985 | Tây Ninh | QLDD | |
| 54 | Nguyễn Tấn Hoàng | Tâm | 8/11/1985 | TP. Hồ Chí Minh | QLDD | |
| 55 | Nguyễn Kim | Tuấn | 13/10/1976 | Nghệ An | QLDD | |
| 56 | Phạm Lê Bích | Tuyền | 3/11/1987 | TP. Hồ Chí Minh | QLDD | |
| 57 | Nguyễn Anh | Thơ | 19/8/1990 | Hà Tĩnh | QLDD | |
| 58 | Huỳnh Lê Tú | Uyên | 27/12/1992 | Ninh Thuận | QLDD NT | 02 buổi |
| 59 | Lê Văn | Chiến | 15/7/1986 | Nghệ An | QLTN&MT | |
| 60 | Trương Minh | Giáp | 13/4/1979 | Đồng Tháp | QLTN&MT | |
| 61 | Nguyễn Thị Mỹ | Hiệp | 10/2/1988 | Ninh Thuận | QLTN&MT | |
| 62 | Lê Tiến | Hưng | 22/10/1988 | Gia Lai | QLTN&MT | |
| 63 | Nguyễn Thị Minh | Luyên | 7/5/1990 | Nam Định | QLTN&MT | |
| 64 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc | 11/8/1992 | Gia Lai | QLTN&MT | |
| 65 | Trần Thị Bích | Ngọc | 19/11/1992 | Gia Lai | QLTN&MT | |
| 66 | Tạ Ngọc Minh | Phương | //1981 | An Giang | QLTN&MT | 01 buổi |
| 67 | Bùi Thị | Quế | 10/10/1991 | Nghệ An | QLTN&MT | |
| 68 | Nguyễn Thị Minh | Tâm | 7/4/1992 | Gia Lai | QLTN&MT | |
| 69 | Nguyễn Xuân | Tiến | 7/6/1980 | Cần Thơ | QLTN&MT | |
| 70 | Thái Nguyễn Trung | Thành | 13/4/1988 | Gia Lai | QLTN&MT | |
| 71 | Trương Thị Hồng | Thủy | 5/6/1985 | Nghệ An | QLTN&MT | |
| 72 | Hứa Thu | Trang | 21/11/1989 | Lạng Sơn | QLTN&MT | |
| 73 | Nguyễn Thị Quý | Trang | 25/7/1993 | Gia Lai | QLTN&MT | |
| 74 | Nguyễn Hữu | Long | 20/4/1990 | Bình Định | Thú Y | |
| 75 | Nguyễn Thị | Nhung | 5/10/1984 | Nghệ An | Thú Y | 01 buổi |
| 76 | Lê Thanh | Quang | 2/5/1963 | TP. Hồ Chí Minh | Thú Y | |
| 77 | Võ Thị Thu | Thảo | 15/9/1988 | Bình Định | Thú Y | 04 buổi |

**PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

TS. Bùi Ngọc Hùng